

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HSST
Ngày: 06-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thành Nghĩa.
- Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 1982, tại tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn K (đã chết) và bà Phạm Thị S; có vợ nhưng đã ly hôn và có 02 con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 8 năm 2024 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Bà Trần Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Ái L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7 năm 2022, bà Trần Thị N nhận Trần Văn H vào tiệm S1 ở thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định do bà N làm chủ để làm nhân viên. Khoảng 12 giờ ngày 11 tháng 11 năm 2022, bà N, H và Nguyễn Ái L ăn cơm trưa tại tiệm. Sau khi

ăn cơm trưa xong, bà N đi ngủ, còn H và L không ngủ. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, H nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô biển số 77G1-863.96 của bà N mang về thành phố Hà Nội cầm cố lấy tiền. Sau khi bà N ngủ được một lúc, H lấy trộm 01 ví da màu nâu (bên trong có tiền 15.000.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của bà N) và chìa khóa xe mô tô biển số 77G1-863.96, rồi đi ra trước cửa tiệm S1 lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 77G1-863.96 mang về thành phố Hà Nội. Sau đó, H cầm chiếc xe mô tô trên cho một người tên D ở quận N, thành phố Hà Nội lấy số tiền 30.000.000 đồng. Một ngày sau, H chuộc xe mô tô trên rồi đem bán cho một tiệm mua bán xe cũ tại thành phố Hà Nội lấy số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, H tiêu xài hết số tiền này.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô biển số 77G1-863.96, nhãn hiệu HONDA, số loại SH MODE, màu sơn đỏ đen, số khung RLHJK0119NZ700432, số máy JK01E0283115, đăng ký mới, đăng ký lần đầu vào ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại thời điểm bị xâm phạm có giá trị thành tiền là 50.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 ví da hình chữ nhật, màu nâu, loại ví cầm tay có 02 ngăn, loại da công nghiệp PU, kích thước 18cm x 10cm, trên ví có in chữ LV lồng vào nhau, mua mới và sử dụng từ khoảng tháng 9 năm 2022, tại thời điểm bị xâm phạm có giá trị thành tiền là 100.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại toàn bộ các giấy tờ tùy thân mà Trần Văn H đã lấy trộm của bà Trần Thị N.

Tại Cáo trạng số 80/CT-VKS-TP ngày 15 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Văn H đã phạm vào tội như tại cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật, buộc bị cáo H bồi thường cho bị hại số tiền 55.100.000 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa bị hại bà Trần Thị N yêu cầu xử lý nghiêm hành vi phạm tội của bị cáo và yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 55.100.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các vật chứng vụ án được thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thu thập đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có đầy đủ căn cứ xác định: Vào ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại tiệm S1 ở thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, Trần Văn H đã lén lút trộm cắp 01 ví da màu nâu có giá trị thành tiền là 100.000 đồng, bên trong có số tiền 15.000.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của bà N, lấy trộm chìa khóa xe để trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 77G1-863.96 của bà Trần Thị N có giá trị thành tiền là 50.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 65.100.000 đồng. Bị cáo H là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo H đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Trần Văn H chủ động bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự xã hội ở địa phương nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Vì bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nên cân nhắc giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị N yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 55.100.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật. Tài sản trộm cắp không thu hồi được. Theo kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 14/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự

huyện T kết luận: 01 xe mô tô biển số 77G1-863.96 tại thời điểm bị xâm phạm có giá trị thành tiền là 50.000.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 02/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 ví da hình chữ nhật, màu nâu tại thời điểm bị xâm phạm có giá trị thành tiền là 100.000 đồng. Cộng với 15.000.000 đồng bị cáo lấy trộm trong ví thì tổng giá trị thành tiền bị cáo trộm cắp là 65.100.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho bà N 10.000.000 đồng nên căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho bà N số tiền 55.100.000 đồng.

[7] Quá trình điều tra, Trần Văn H khai sau khi trộm cắp xe mô tô biển số 77G1-863.96 của bà Trần Thị N đã cầm cố chiếc xe trên cho một người tên D ở quận N, thành phố Hà Nội lấy số tiền 30.000.000 đồng. Một ngày sau, H chuộc lại xe mô tô và bán cho một tiệm mua bán xe cũ tại thành phố Hà Nội lấy số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của những người này nên không có căn cứ để xử lý những người này về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 55.100.000 đồng $\times 5\% = 2.755.000$ đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm (06) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 25 tháng 8 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn H bồi thường cho bị hại bà Trần Thị N số tiền 55.100.000 (năm mươi lăm triệu một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án

phí hình sự sơ thẩm và 2.755.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại.
- VKSND huyện Tuy Phước;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQ CSĐT Công an H.Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên